

THÍCH THIÊN BA-LA-MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

QUYỂN 3 (PHẦN 1)

CHƯƠNG VI: PHÂN BIỆT TIỀN PHƯƠNG TIỆN CỦA THIÊN BA LA MẬT (Tiếp Theo)

2. Nói về nội phương tiện tu của thiên Ba-la-mật, có năm lớp: Một là chỉ môn, hai là nghiêm căn tánh thiện ác, ba là pháp an tâm, bốn là trị bệnh, năm là biết việc ma. Năm thứ này gọi chung là Nội phương tiện, đều y cứ vào lúc mới phát định. Trong tâm tịnh tế khéo léo vận dụng lấy bỏ chẳng mất nghi. Nhờ các thứ này sẽ chứng thiên định sâu nên gọi là Phương tiện. Nay Nội phương tiện lấy chỉ làm môn đầu, tất cả công đức thiên định đều do chế tâm dứt loạn mà phát. Cho nên kinh nói: Chế vào một chỗ, không việc gì chẳng làm được, chỉ là môn đầu thì ý ở đây. Hỏi: Từ trên nói Ngoại phương tiện làm năm pháp đã nói một tâm. Vì sao nhắc lại? Đáp: Chẳng phải như thế. Trên chỉ nói chung một tâm, chưa phân biệt nhỏ nhất đầy đủ về chỉ môn. Trong đây là gốc vì khiến hành giả khéo biết an tâm mà nói riêng tướng nhập định cạn sâu, thô tế của tu chỉ. Nên lại nói thì không lỗi gì. Hỏi: Trong kinh nói có hai môn cam lộ: Một là môn quán bất tịnh, hai là môn A-na-ba-na, nhưng chẳng nói chỉ là môn đầu, nay vì sao lại nói? Đáp: Không phải thế, trong các thiên, chỉ là môn chung, chung thì nhiếp riêng, mà riêng thì chẳng nhiếp chung. Cho nên trước dạy chỉ, nếu sau chỉ mà vào các thiên khác thì có ích chung. Nếu y vào các môn khác thì có lỗi sai trái. Tự phiền não cũng như thế. Lại nữa, nay nói thầy có hai thứ: Một là thầy đã được đạo nhãn xem cơ mà trao pháp, sẽ giúp thói quen xưa, khéo biết đối trị. Chẳng giống như Xá-lợi-phất vì hai đệ tử mà nói pháp chẳng biết căn cơ. Người thợ rèn thì dạy quán bất tịnh, còn người thợ giặt áo lại dạy đếm hơi thở, trái với thói quen nên pháp chẳng khởi, sinh ra tà kiến. Phật vì chuyển quán thì liền ngộ đạo; Hai là thầy không có tha tâm trí, chẳng có đạo nhãn, chẳng biết căn cơ. Có người đến học thì

cứ việc trước dạy chỉ môn, vì tâm ở định thì liền phát căn tánh thiện ác. Nếu do tịnh tâm mà phát các thiền định, thì thầy liền ứng giáo giúp căn bản mà tu. Nếu đều chẳng phát pháp môn, hoặc các kết sử tham, sân, si v.v... phát ra, thì tùy cái nào nhiều liền dạy đối trị mà phá pháp ngăn đạo, thiền định sẽ phát. Nay chỉ môn làm trước tức là chánh ý thầy thứ hai trao pháp. Nếu khác lời này thì căn duyên thiện ác rất khó phân biệt, đối trao pháp cho người thì có lỗi sai cơ. Trong chỉ môn có bốn ý: Một là phân biệt chỉ môn khác nhau, hai là lập đại ý về chỉ, ba là nói phương pháp tu chỉ, bốn là nói về tướng chứng chỉ.

1. Phân biệt chỉ môn khác nhau, có hai ý: Một là y cứ hạnh nói về chỉ, hai là y cứ nghĩa nói về chỉ.

1- Y cứ hạnh nói về chỉ, có nhiều đường, nay lược nêu ba ý: Một là hệ duyên chỉ, hai là chế tâm chỉ, ba là thể chân chỉ. Sở dĩ nói chung là chỉ, vì chỉ là ngăn cấm, cũng gọi là thôi dứt, tâm khởi lên thì ngăn cản, không thể lưu động nên gọi là Chế, chuyên tâm định chí, dứt các loạn tưởng nên gọi là Chỉ. Nay nói hệ duyên chỉ là buộc tâm ở chót mũi thẳng đến rún chẳng cho bay nhảy lung tung, nên gọi là Hệ duyên chỉ. Chế tâm chỉ là nếu giác quán liền chế chẳng để sinh khởi. Thể chân chỉ là biết các pháp không dứt các nghĩ xằng, gọi là thể chân chỉ

2- Y cứ nghĩa nói về chỉ. Cũng có nhiều đường. Nay lược nói ba ý: Một là Tùy duyên chỉ, hai là Nhập định chỉ, ba là chân tánh chỉ. Tùy duyên chỉ là tùy tâm khi khởi đều có số Tu-ma-đề, cho nên kinh Niết-bàn nói: Định trong mười đại địa gọi là Hạ định. Người nhập định chỉ khi chứng định thì định pháp trì tâm, tâm dứt chỉ trụ là nhập định chỉ. Chân tánh chỉ là tâm tánh thường tự bất động, nên gọi là Chỉ. Cho nên kinh Tứ-Ích chép: Tất cả chúng sinh tức là định diệt tận. Nay dùng ba nghĩa này thành ba chỉ trên, y cứ tùy duyên nhậm tánh có định nên gọi là Hệ duyên chỉ. Y cứ quả có định pháp nên nói là Chế tâm chỉ. Do có tánh bất động nên gọi là Thể chân chỉ.

2. Nói lập đại ý về chỉ, có bốn: Một là nói về cạn sâu, hai là đối trị phá nhau, ba là tùy ưa thích, bốn là tùy cơ nghi.

1. Phân biệt ba thứ tướng chỉ cạn sâu khác nhau, là nhân thô vào tế thì có nghĩa cạn sâu là hệ duyên và chế tâm, đã là sự cho nên thô hiển. Thể chân là vào tế cho nên tế sâu.

2. Nói ba chỉ đối trị phá nhau. Có hai thứ: Một là dùng sâu phá cạn, hai là phá lẫn nhau. Một là dùng sâu phá cạn, là phá tán tâm của duyên ngoài mà lập hệ duyên chỉ. Còn chế tâm chỉ tức là phá hệ duyên chỉ. Tâm không phải sắc pháp, đâu thể ở chót mũi, ở ngực, v.v... Nếu

muốn tịnh thì chỉ cần dứt các phan duyên, cho nên khiến chế tâm giữ một. Thể chân chỉ tức là phá chế tâm chỉ trước. Tâm không hình tướng tánh chẳng thật có, làm sao có thể chế. Hiểu tâm chẳng phải tâm, chẳng khởi vọng niệm thì không chỉ mà chỉ, chỉ mà không chỉ, nên gọi là chỉ. Có chỉ của chỉ, do y vọng tưởng chẳng gọi là chỉ, ở đây thì dùng sâu mà phá cạn, trở về nguồn gốc, cho nên lập ra ba chỉ mà phá lẫn nhau, là khi tùy tu chỉ nếu có thấy sinh tức cùng lấy một chỉ đối trị mà phá, tìm xét kỹ sẽ hiểu.

3. Tùy ưa thích, từ có người ưa thích thì cảnh giới an tâm chỉ toàn có vui chế tâm và thể chân cũng như thế. Nếu tùy chỗ ưa thích dùng pháp mà dạy thì vui vẻ vâng làm. Nếu trái tình thì tâm không nguyện làm theo.

4. Đối cơ nghi là chưa hẳn ưa thích theo. Như có người ưa muốn thể chân mà không nhập định, nếu tạm hệ tâm giữ cảnh, liền phát các thứ thiền. Đây phải tùy tiện nghi mà trao pháp.

3. Nói phương pháp tu chỉ, cũng có ba ý: Một là Tu hệ duyên chỉ, hai là Tu chế tâm chỉ, ba là Tu thể chân chỉ.

1. Tu hệ duyên chỉ, nói lược có năm: Một là buộc tâm trên đỉnh đầu, hai là buộc tâm ở tóc, ba là buộc tâm ở chót mũi, bốn là buộc tâm ở rún, năm là buộc tâm ở địa luận. Tam Tạng Kim Xỉ người nước ngoài nói đây là năm môn thiền. Hỏi: Toàn thân đều có thể buộc tâm, vì sao chỉ nói năm chỗ? Đáp: Năm chỗ này dụng tâm là tiện nhất, các chỗ khác chẳng an định. Như ở xương sườn thì lệch đi chẳng nói, như đầu tròn là pháp trời, chân vuông là pháp đất, rún là biển khí, mũi là phong môn, tóc là tu cốt, xét đó mà lấy làm môn. Khiến buộc tâm trên đỉnh đầu, là tâm mê mờ tối tăm thì ngủ nhiều, nên ở trên đó mà an tâm, nếu lâu lâu thì khiến người phù phong, giống như bệnh phong, hoặc dường như được thần thông muốn bay, có những lỗi này nên không thể thường dùng. Nếu để tâm ở mí tóc, ở đây tóc đen thịt trắng thì tâm dễ trụ, hoặc có thể phát bản cốt quán, nếu lâu thì sinh lỗi, mắt ưa ngó lên hoặc sẽ thấy các màu vàng, đỏ, v.v... như hoa như mây, các thứ hình dáng khiến tình lự điên đảo. Nếu buộc tâm ở chót mũi, mũi là phong môn, biết hơi thở ra vào, niệm niệm chẳng dừng mà dễ ngộ vô thường. Cũng vì giúp thói quen, an ban, tâm tịnh thì phát thiền định. Nếu buộc tâm ở dưới rún, rún là biển khí, cũng gọi trung cung. Nếu buộc tâm ở rún thì trừ được các bệnh, hoặc có lúc xét thấy ba mươi sáu vật mà phát các thiền đặc thắng. Nếu buộc tâm ở địa luận đây là chỗ thấp nhất, khí theo tâm mà xuống thì bốn đại điều hòa, cũng để giúp bản. Tu tập quán bất tịnh phần

nhều từ dưới khởi lên, nhờ buộc tâm này hoặc năng phát bản. Môn bất tịnh quán y cứ năm chỗ này làm duyên khiến tâm chẳng tâm. Vì nói về tu Hệ duyên chỉ là ý ở đây. Thí như khi vượn gặp cây thì chuyền nhánh nhảy nhót. Nếu xiềng vào cột thì lâu dần tự điều. Tâm cũng giống như thế. Nếu tâm dùng trụ mà chưa vào định thì lại có một chỉ gọi là Ngưng tâm chỉ. Nếu được nhập định thân tâm lặng mất thì mặc tình tự yên, tức là nhập định chỉ.

2. Tu chế tâm chỉ, tâm không có hình sắc, cũng không có nơi chốn, đâu thể buộc nó ở cảnh, chỉ là vọng tưởng duyên lự, cho nên phải chỉ. Nếu tâm tịnh trụ thì chẳng cần chế, chỉ cần định tâm dứt các loạn tưởng, tức là tu chỉ. Hỏi: Tâm không trên dưới, có lúc chậm, lúc mau, hoặc trầm phù pháp điều thích như thế nào? Đáp: Tâm tuy không có trên dưới nhưng phải trị bệnh trầm phù, trên dưới yên rồi thì việc làm không lỗi. Nếu tâm phù động, nên tác ý dưới mà dựa vào chỉ. Nếu tâm trầm một thì ở trên mà dựa vào chỉ. Lại nữa, nếu dưới mà dựa vào an tâm thì có nhiều lợi ích. Tóm lại có hai: Một là tâm dễ được định, hai là các bệnh chẳng sinh.

3. Tu thể chân chỉ, là dùng chánh trí tuệ thể tất cả ấm giới nhập, ba độc, chín mươi tám sử và mười hai nhân duyên. Quả ba cõi các pháp đều vắng lặng như trong kinh Đại Phẩm nói: ngay nơi sắc là không, chẳng phải sắc diệt rồi mới không, mà tánh của sắc tự không. Không tức là sắc, sắc tức là không, lia sắc chẳng có không, lia không chẳng có sắc. Tất cả các pháp như thọ, tưởng, hành, thức, v.v... cũng đều như thế. Vì sao? Hiện nay thấy các pháp ấm nhập giới, v.v... tự tánh chẳng thật có, thì làm sao có thể sinh nhân, ngã, chúng sinh, thọ mạng, v.v... tất cả các điên đảo. Vì sao biết là không? Như tất cả nghiệp hạnh phiền não đã khởi ở quá khứ làm nhân, ở hiện tại quấy rối cha mẹ thân phận có quả báo thì có tất cả các pháp ấm nhập giới, v.v... Nghiệp này là pháp nào mà làm quả báo, ấm nhập v.v... làm nhân? Nếu nói quá khứ tâm lành, tức là nghiệp quá khứ tâm làm lành, và pháp tâm sở đều đã diệt hết đâu được là quả báo hiện tại, và các pháp ấm nhập, v.v... làm nhân. Nếu nói tâm không phải là nghiệp nhân, tâm làm nghiệp nghiệp tùy tâm mà đến. Tâm diệt rồi thì nghiệp cũng phải diệt theo tâm. Nếu nghiệp lại diệt cũng đâu thể chiêu cảm được quả báo đời này và các pháp như ấm nhập. Nếu nghiệp diệt thì phải biết nghiệp chẳng đến ở hiện tại. Vì sao? Vì nghiệp chẳng đến. Nếu nghiệp chẳng đến mà chịu báo, thì báo này chẳng gọi là báo. Vì sao? Vì không có nghiệp thì báo không trả. Nếu nói tâm quá khứ tuy đã diệt mất mà tâm đến tiếp tục

sinh ra, nên nghiệp tùy tâm mà đến, thì nghiệp quá khứ cũng phải diệt mất, nghiệp kế tiếp tục sinh ra, cho nên đến được hiện tại. Nếu thế thì có lỗi lớn. Vì sao? Vì lúc quá khứ tâm lành đã diệt mà tâm ác tiếp tục sinh ra, nay quá khứ cũng phải nghiệp lành đã diệt mà nghiệp ác tiếp tục sinh ra. Đây chỉ thấy nghiệp ác đến ở hiện tại. Nếu thế thì cảm ứng báo ác, sao lại cảm được quả lành. Nếu nói nghiệp đến mà chẳng tùy tâm, thì nghiệp này phải tự có quả báo, lia tâm mà chịu. Nay thật chẳng như thế. Lại nữa, nếu nghiệp có tướng tức là hữu vi. Nếu là hữu vi thì rơi vào ba tướng, nếu rơi vào ba tướng thì đó là sinh diệt, nếu là sinh diệt, thì chẳng đến hiện tại. Quá khứ đã diệt thì phải biết bản nghiệp cũng diệt, thì ai cảm quả này? Chẳng thể dùng nghiệp mới sinh mà cảm được quả nay, phải biết nghiệp có tướng mạo thì nghĩa này chẳng thật có. Nếu nói nghiệp không tướng mạo mà chiêu cảm được quả thì cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì pháp không tướng tức là vô vi, vô vi thì không có nghiệp làm sao cảm quả. Lại nữa, pháp vô tướng tức là nghĩa không, không thì chẳng có sinh diệt, đâu được gọi là Nghiệp. Nếu nói không là vô tướng mà cảm được quả, thì ba pháp vô vi cũng phải cảm quả. Đã chẳng như thế, thì sao nói nghiệp không hình tướng mà chiêu cảm được quả. Các thứ nhân duyên nghiệp như thế chẳng thật có, phải biết không có nghiệp này. Nếu nghiệp chẳng thật có, vì sao lại nói ấm, nhập, giới, v.v... tất cả đều từ nhân nội nghiệp sinh ra, cũng chẳng từ duyên ngoài mà sinh. Nếu nhất định từ duyên mà có quả báo thì tất cả âm dương khi gặp nhau đều phải có quả báo. Các pháp ấm, nhập giới, v.v... Nếu thế thì chẳng đợi nghiệp mang thức đến mới có sinh ra, cho nên biết không phải duyên ngoài sinh. Nếu bảo nhân duyên hợp lại mà có quả báo các pháp ấm nhập. v.v... sinh ra, hoặc trong nhân duyên đều có sinh thì khi hợp phải có hai sinh. Nếu đều không sinh thì khi hợp đâu được có sinh. Nếu bảo lia nhân duyên mà có sinh, thì việc này chẳng đúng. Vì từ nhân duyên mà có sinh còn chẳng thật có, huống chi không nhân duyên mà có sinh. Nếu không nhân duyên mà có sinh thì nghĩa nhân quả đã hỏng. Người thế gian làm lành phải bị quả ác, người làm ác lại được quả báo lành. Cũng chẳng cần tu đạo. Đây tức là phá nhân quả thiện ác thế gian, gọi là đại tà kiến. Phải biết tất cả các pháp ấm nhập, v.v... chẳng từ nội nhân mà có, cũng chẳng từ duyên ngoài mà có, cũng chẳng do nhân duyên hợp nhau mà có, cũng chẳng phải không nhân duyên mà có. Nếu chẳng thật có thì tức là không. Nếu đối với không chỗ có là không mà chấp có thì phải biết đó chỉ là vô minh điên đảo vọng chấp là có. Nếu biết chỗ điên đảo chấp pháp thì tất cả đều đối trá, cũng như mộng

huyền, chỉ có tên gọi, pháp tên gọi cũng chẳng thật có thì đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, rớt ráo vắng lặng, cũng như hư không. Nếu hành giả biết tất cả pháp như hư không thì không lấy không bỏ, không nương tựa, không trụ trước. Nếu tâm không lấy bỏ, nương tựa, trụ trước thì tất cả vọng tưởng điên đảo, nghiệp hạnh sinh tử thủy đều ngưng dứt, không niệm không hạnh, không tạo tác, không nói bậy, không cạnh tranh, thanh tịnh vắng lặng như Đại Niết-bàn, ấy gọi là Chân chỉ. Đây thì chỉ mà không chỉ, không chỉ mà chỉ, gọi là thể chân chỉ. Nên kệ nói:

Đối tất cả các pháp

Nhân duyên không, vô chủ

Dứt tâm, hiểu nguồn gốc

Nên gọi là Sa-môn.

4. Nói về chứng chỉ, có hai giải thích khác nhau: 1. Có Sư nói: Chỉ không có chứng khác, chỉ làm tiền phương tiện cho các thiền. Nếu có chỗ chứng tức thuộc về các thiền khác. Nghĩa này sau sẽ nói, trong phát gốc lành tức là việc ấy; 2. Có Sư nói: Chỉ không phải phát chung các thiền, cũng có pháp chứng riêng, tức là năm luân thiên. Vì sao? Vì các pháp môn khác đều có pháp riêng tu tập An tâm, nên sau đó thứ lớp phát thiền khác nhau. Nay nói chỉ này, chỉ là chế tâm một chỗ, thì năm luân tự phát. Ví như nước yên không sóng thì muôn hình ảnh đều hiện. Chỉ cũng như thế, nay nói nhân chỉ mà chứng năm luân. Năm luân là: Một là Địa luân, hai là Thủy luân, ba là Phong luân, bốn là Kim sa luân, năm là Kim cương luân. Năm pháp môn này đều mượn dụ mà đặt tên, gọi chung là Luân, là chuyển, như bánh xe đời chuyển lìa đây đến kia. Trong thiền nói luân cũng như thế. Như Địa luân do lìa địa dưới loạn tâm mà chuyển lên địa trên, nên gọi là Luân. Cho đến nghĩa luân kim cương cũng giống như thế, chuyển đến cực quả vô học, một là địa luân, như đất có hai nghĩa: Một là trụ trì bất động, Hai là sinh ra muôn vật. Nhân Vị Đáo địa sinh ra các thứ công đức của Sơ thiền, đồng sinh ra muôn vật; Hai là Thủy luân. Thủy có hai nghĩa: một là thấm nhuần sinh trưởng, hai là thể tánh mềm mại. Hành giả ở trong Địa luân nếu chứng Tam-muội Thủy luân tức là phát các công đức thiên. Nước định nhuần tâm tự biết trong tâm gốc lành thêm lớn, tức là nghĩa thấm nhuần. Nhờ định mà được, nên thân tâm mềm mỏng bề gãy tâm cống cao, thì tâm theo pháp lành tức là nghĩa mềm mỏng nên gọi là Thủy luân; Ba là Phong luân, như gió thể gian có ba nghĩa: một là đi trên hư không vô ngại, hai là cổ động muôn vật, ba là phá hoại. Hành giả phát Tam-muội Phong luân cũng giống như thế. Nếu do thiên định mà phát tướng, giống

như trí tuệ phương tiện vô ngại, như gió dạo chơi trên hư không, tất cả vô ngại. Nghĩa cổ động là được đạo phương tiện, tức là kích phát các thứ gốc lành xuất thế, công đức thêm lớn. Phá hoại: trí tuệ phương tiện có công năng dẹp phá tất cả các kiến phiền não. Nếu người Nhị thừa được Tam-muội Phong luân tức là năm tướng phương tiện, giống như vô lậu giải phát. Nếu là Bồ-tát tức vào Thiết luân mười Tín, ấy gọi là Phong luân; Bốn là Kim sa luân. Kim là dụ cho chân, sa là dụ cho không mê đắm: nếu hành giả phát chân tuệ kiến tư không nhiễm không đắm, được ba đạo quả. Nếu là Bồ-tát thì vào vị Tam hiền mười địa, phá được tất cả trần sa phiền não, đó là Kim sa luân; Năm là Kim cương luân. Đạo vô ngại thứ chín gọi là Tam-muội Kim cương luân, ví như thể kim cương rất cứng bén, cắt phá được các vật. Tam-muội Kim cương cũng giống như thế, chẳng bị vọng hoặc xâm phạm, dứt được tất cả kết sử mà thành tựu A-la-hán. Nếu ở tâm Bồ-tát, tức là kim cương Bát-nhã phá vô minh tế hoặc, chứng trí Nhất thiết chủng, cũng gọi là Thanh tịnh thiền. Bồ-tát nương theo thiền ấy mà được quả đại Bồ-đề. Lại nữa như chiếc (xe) không có trâu kéo thì không thể chuyển đi được, năm luân thiền định cũng giống như thế. Tuy đương địa đều có các diệu công đức. Nhưng nếu chẳng thể nhận chân để dắt dẫn, trước không huân tu thì ở các địa đều bị trở ngại, trái dụng của luân. Nay hành giả khéo tu thể chân không mê đắm nên có thể từ Sơ tâm mà chuyển đến cực quả, dụng của luân liền thành. Do đó kính Pháp Hoa chép: chúng sinh chỗ nào cũng đắm trước, dẫn dắt cho ra khỏi. Phải biết hành giả khéo tu chỉ môn thì sẽ đầy đủ năm luân thiền định, chứng quả Thánh ba thừa.

2. Xét căn tánh thiện ác. Hành giả đã khéo tu chỉ môn, dứt các loạn tưởng thì tâm ấy chứng tịnh. Vì tâm tịnh nên gốc lành đời trước tự nhiên khai phát. Nếu người không có điều lành thì phát các pháp ác, cho nên kinh nói: Trước dùng định mà lay động, sau dùng trí mà nhỏ. Chỉ là môn đầu, trong hai việc thiện ác phải có một. Hành giả phải biết rõ tướng ấy trong, khoảng lấy bỏ chẳng trái chánh đạo. Cho nên phải phân biệt, nay đối với căn tánh thiện ác, tức có hai ý: Một là xét căn tánh thiện, hai là xét căn tánh ác. Nhưng nói về luận thiện ác phát trước sau đều theo người ấy, chưa hẳn nhất định trước thiện mà sau ác.

1- Xét căn tánh thiện, có bốn ý: Một là nêu chương môn pháp lành, hai là chánh nói về sự phát sinh gốc lành, ba là xét biết hư thật, bốn là phân biệt phát thiện bất định.

1. Nêu chương môn pháp lành, thiện có hai thứ: Một là ngoại thiện, hai là nội thiện. 1) Ngoại thiện, thiện có nhiều thứ, lược có năm

thứ: Một là bố thí, hai là trì giới, ba là hiếu thuận cha mẹ sư trưởng, bốn là kính tin Tam bảo, siêng năng cúng dường, năm là đọc tụng nghe học. Lược năm gốc lành này bày biểu ngoại thiện phát tướng khác nhau, cho nên đều thuộc ngoại thiện, vốn ở Bản hạnh đều là trong tán tâm mà tu tập, chưa thể lia bỏ cõi dục mà phát các thiền định vô lậu nên nói là ngoại thiện; 2) Nội thiện tức năm môn thiền: một là môn A-na-ba-na, hai là Tam-muội Bất tịnh, ba là môn Từ tâm, bốn là môn Nhân duyên, năm là môn Niệm Phật Tam-muội. Năm pháp môn này nhiếp chung tất cả các thiền, phát các vô lậu nên gọi là nội thiện. Hỏi: Nội thiện nhiều vô lượng, sao chỉ nói có năm môn? Đáp: Năm tên tuy ít mà hạnh chung cho các thiền. Vì sao? Vì một là môn A-na-ba-na, ở đây chung cho các Tam-muội căn bản và đặc thắng, thông minh, v.v... Hai là môn Bất tịnh quán, ở đây chung cho các thiền Tam-muội chín tướng, bối xả, siêu việt, v.v...; Ba là môn Từ tâm, ở đây chung cho bốn vô lượng các thiền Tam-muội; Bốn là môn Nhân duyên, ở đây chung cho các thiền Tam-muội tuệ hạnh như mười hai nhân duyên, bốn đế, v.v...; Năm là Tam-muội Niệm Phật, ở đây chung cho chín thứ thiền và một trăm lẻ tám Tam-muội. Lại nữa, môn Sổ tức tức là thiền thế gian phàm phu. Kế là môn Bất tịnh tức là thiền xuất thế gian mà các vị Thanh văn đã thực hành. Kế môn từ tâm tức là hai người phàm thánh, là tu từ đại phước đức vào bên tâm vô lượng. Kế là môn Nhân duyên tức là Bích-chi-phật thực hành. Kế môn Niệm Phật, công đức rộng lớn là chỗ làm của các Bồ-tát. Ở đây thì nói lược năm môn thứ lớp cạn sâu. Lại nữa, năm môn thiền định là đối trị bốn phần phiền não. Bốn phần phiền não sinh ra tám muôn bốn ngàn trần lao. Phải biết năm môn này cũng sinh ra tám muôn bốn ngàn pháp môn. Ở đây nói năm môn nhiếp tất cả nội thiện, đầy đủ số người nói về Sơ Hiền Ngũ Đình Tâm quán phát, cùng với đây có chỗ khai nhau.

2. Kế nói tướng phát gốc lành, cũng có hai: Một là ngoại thiện căn tướng phát, hai là nội thiện căn tướng phát.

1) Ngoại thiện căn tướng phát, ngoại thiện chẳng phải một, nay y theo chương môn trước nói lược năm thứ: Một là nếu hành giả ngồi tịnh định, bỗng thấy các thứ y phục, ngọc cụ, ăn uống, châu báu, ruộng vườn, ao hồ, xe cộ, v.v... hoặc do tâm tịnh mà tự xa lìa tâm san tham, thực hành bố thí không hề luyến tiếc. Phải biết đây là Tập báo bố thí của quá khứ và đời này, hai thứ gốc lành phát tướng; Hai là nếu hành giả ở trong chỉ tịnh định, bỗng thấy thân mình tướng tốt đẹp đẽ, thân đắp y thanh tịnh, đúng pháp tắm gội sạch sẽ, được vật sạch đẹp, thấy các

việc như thế. Hoặc do tâm tịnh mà phát tâm giới nhẫn tự nhiên biết nhẹ biết nặng, cho đến tội nhỏ tâm cũng rất sợ hãi, nhẫn nhục nhún mình. Phải biết đây là Tập báo giới nhẫn quá khứ và đời này hai thứ gốc lành phát tướng; Ba là hành giả trong lúc ngồi thiền bỗng thấy sư tăng, cha mẹ, tông thân, quyến thuộc mặc áo sạch đẹp, vui vẻ đẹp đẽ, thấy các việc như thế. Hoặc lại vì tâm tịnh mà tự nhiên sinh tâm nhân từ cung kính hiếu đễ. Phải biết đây là Tập báo hiếu tôn trưởng quá khứ và đời nay hai thứ gốc lành phát tướng; Bốn là hành giả, trong khi ngồi bỗng thấy các chùa tháp hình tượng tôn nghiêm, kinh sách cúng dường trang nghiêm thanh tịnh, chúng tăng tụ hội đông đúc, thấy các việc như thế. Hoặc ở trong tâm tịnh mà phát kính tin tôn trọng Tam bảo tâm vui thích cúng dường siêng năng mạnh mẽ, thường không hề chán mỏi. Phải biết đây là Tập báo kính tin Tam bảo siêng năng cúng dường, hai thứ gốc lành quá khứ và đời này phát tướng; Năm là hành giả trong khi ngồi, nhờ tâm lắng yên, hoặc thấy giải thích ba tạng, nghe nhận đọc tụng Đại thừa, bốn chúng có đức. Hoặc khi tâm tịnh đọc tụng tự nhiên mà vào, tùy chỗ lắng nghe tức liền khai ngộ, hoặc tự nhiên lại hiểu rõ ba tạng kinh điển Đại thừa, phân biệt không trệ ngại. Phải biết đều là Tập báo đọc tụng nghe nói hai thứ gốc lành quá khứ và đời này phát tướng. Nếu hành giả thấy các tướng tốt như thế và phát các tâm lành, thì đây không phải là thiền định, phần nhiều là quá khứ, đời này ở trong tán tâm mà tu các công đức. Nay vì năng lực tâm tịnh nên phát ra việc ấy. Thấy các tướng mạo đó đều thuộc tướng báo nhân, hiện tâm lành khai phát đều là Tập nhân lành phát sinh. Như thế rất nhiều nói không hết được, ở đây lược bày đại ý. Lại nữa, phát hai nhân Tập báo hành giả căn tánh khác nhau. Có hành giả chỉ phát tướng Báo nhân mà chẳng phát Tập nhân tâm lành. Có người thì phát đủ hai nhân tập báo, có người cả hai đều chẳng phát. Các việc nhân duyên như thế khó hiểu, đâu thể giải thích nhằm. Hỏi rằng: Gốc lành tán tâm đâu thể ở trong tịnh tâm mà hiện? Đáp: Ở trong thiền định còn thấy khởi lên nghiệp ác phiền não của quá khứ và đời này hướng chi là gốc lành giúp lý mà chẳng thấy được hay sao. Hỏi: Thấy các tướng này có khi nào do ma làm ra chăng? Đáp: Cũng có khi do ma làm. Nếu muốn phân biệt, chỉ gọi ma là kẻ giết hại. Khi các tướng này phát ra thì khiến hành giả tâm thức loạn động, hoặc thấy tăng thêm các phiền não, ép ngặt che chướng rất nhiều nạn ngại, không lợi cho định tâm, đều là do ma làm ra. Còn gốc lành phát ra thì hành giả tự biết. Thấy tướng này rồi tuy chưa chứng thiền định mà thân tâm sáng suốt, các căn thanh tịnh. Thân có sắc lực ấy là do niệm lành

khai phát. Do đây trở đi tự biết tâm thần có thể dễ nhiếp phục, thân tâm an ổn không có các lỗi lầm, tai nạn. Phải biết đây là gốc lành phát tướng. Lại nữa, nếu các việc lành phát sinh là tướng Báo nhân thì hiện ra liền mất, còn Tập nhân tâm lành thì tiếp tục hiện mãi không thôi. Nếu là loạn tâm lành hành giả thì tạm phát lại mất, hoặc có lúc biến thành niệm ác, phải biết đó là ta. Lại nữa, tướng tà chánh rất khó lường, tự chẳng gần gũi minh sư thì không thể vọng lấy. Hỏi: Các gốc lành này phải là một bề phát ở trước, hay khi chứng các thiền ở sâu trong định mà phát? Đáp: Việc này không nhất định, chưa hẳn một bề ở định trước mà thấy. Vì thiện ngoài thô nên nói trước mà thôi.

2) Nội thiện căn phát tướng. Nay y cứ năm môn trong thiền, một môn mở làm ba, hợp có mười lăm thứ gốc lành phát:

Một là A-na-ba-na có ba thứ gốc lành phát tướng khác nhau: một là gốc lành Sổ tức, hai là gốc lành Tùy tức, ba là gốc lành Quán tức. Một là gốc lành Sổ tức, là hành giả như trên, khéo tu ba chỉ, thân tâm điều hòa phát ở cõi Dục và các thiền như Vị Đáo địa, v.v... Thân tâm rộng rang vắng lặng, định tâm an ổn. Ở sau hoặc một ngời hai ngời cho đến trải một tuần, hoặc cả tháng cả năm đem hơi thở được chỗ, định tâm không lui sụt. Tức tâm ở trong định bỗng biết thân tâm vận động tám xúc thứ lớp mà khởi. Đây tức là tướng phát căn bản sơ thiền gốc lành. Ở trong định này hỷ lạc tâm lành an ổn chẳng thể ví dụ. Phát Sơ thiền như thế rồi cho đến phát bốn không thiền định v.v... Hai là phát gốc lành tùy tức, cũng ở tâm cõi dục Vị Đáo định tâm, bỗng biết hơi thở ra vào dài ngắn, và các lỗ chân lông khắp thân đều thông suốt, tức dùng tâm sáng suốt mà thấy ba mươi sáu vật trong thân. Cũng như mở kho thấy rõ thóc lúa mè đậu, tâm rất mừng vui, vắng lặng an ổn trừ các thân hành, cho đến tâm nhận các thọ vui mừng, ấy là đặc tướng gốc lành phát tướng; Ba là phát gốc lành quán tức, cũng ở cõi Dục Vị Đáo tế tĩnh tâm, bỗng thấy hơi thở mình từ các lỗ chân lông ra vào khắp thân vô ngại, dần dần sáng rõ. Như trong màn lược mà thấy nhiều lớp da, cho đến xương thịt, v.v... cũng như thế, cũng thấy trong thân có tám muôn ổ vi trùng lớn nhỏ, dài ngắn, tiếng nói lời lẽ định tâm hỷ lạc gấp nhiều lần như nói ở trên. Hoặc thấy thân mình như thân cây chuối, như đám bọt, như bóng, như mây. Đây là thông minh quán gốc lành phát tướng.

Hai là quán Bất tịnh, có ba thứ gốc lành phát tướng khác nhau. Một là chín tướng, hai là bối xả, ba là đại bất tịnh quán. Một là gốc lành chín tướng, cũng ở trong cõi Dục Vị Đáo tịnh định tâm, bỗng thấy thân chết nam nữ sinh chương. Khi ấy, tâm rất kinh ngộ, tự thương mình ngày

xưa mê mờ chán sợ, năm dục yêu thích thật chẳng dám gần gũi. Hoặc thấy huyết ứ xanh dờn, thịt da rả nát, giò bọ đục khoét rơi vãi khắp nơi, xương trắng mục nát cùng khắp. Đây là chín tướng gốc lành phát tướng; Hai là bối xả gốc lành phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng thấy trong thân bất tịnh của mình sinh chướng rã nát, hoặc thấy thân mình xương gân từ đầu đến chân rành rịt, chống gá nhau. Cho đến thấy xương người lấp lánh phát sáng. Định tâm yên ổn chán sợ năm dục, chẳng chấp ngã nhân. Đây là bối xả gốc lành phát tướng; Ba là Đại bất tịnh quán gốc lành phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo định tâm mà thấy trong thân, ngoài thân, tất cả chim thú y phục ăn uống, núi rừng cây cối đều bất tịnh. Hoặc thấy một ngôi nhà, một ngôi làng, một cõi nước, cho đến mười phương đều bất tịnh. Hoặc thấy xương trắng cho đến thân mình trắng toát sáng lấp lánh. Đây là Đại bất tịnh quán xứ gốc lành phát tướng. Khi quán này phát ra có thể phá tất cả tâm mê đắm.

Ba là Từ tâm quán, có ba thứ gốc lành phát khác nhau: một là chúng sinh duyên từ, hai là pháp duyên từ, ba là vô duyên từ. 1. Chúng sinh duyên từ phát tướng cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên phát tâm thương xót chúng sinh. Trước duyên người thân được tướng vui, do đó, phát định mà an ổn sung sướng, cho đến duyên người oán thù đều thấy được vui, không có tức giận, không oán không náo rộng lớn vô lượng đầy khắp mười phương. Ấy là chúng sinh duyên từ gốc lành phát tướng. Hoặc phát chúng sinh duyên bi cho đến hỷ xả, cũng giống như thế; 2. Pháp duyên từ phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên tự biết tất cả trong ngoài chỉ có pháp ấm nhập, khởi chỉ có phát khởi, diệt chỉ có pháp diệt. Chẳng thấy chúng sinh và ngã, ngã sở. Chỉ có năm ấm, ở trong thọ ấm có thọ vui. Biết như thế rồi, tức duyên với thọ vui này mà phát từ định không sân không hận, không oán không náo, rộng lớn vô lượng, đầy khắp mười phương. Đó là pháp duyên từ. Hoặc phát pháp duyên bi, cho đến hỷ xả, cũng như từ gốc lành phát tướng; 3. Vô duyên từ phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo định tâm, bỗng nhiên giác ngộ tất cả các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng thấy hai bên. Bảo là hoặc chúng sinh không phải chúng sinh, hoặc pháp không phải pháp, đều chẳng thật có, thì không có sở duyên để vô duyên. Tưởng điên đảo dứt thì vắng lặng an vui, tâm cùng từ định tương ứng, quán bình đẳng tất cả đồng an vui này, không sân hận, không oán náo, rộng lớn vô lượng, đầy khắp mười phương. Đó là vô duyên từ gốc lành phát tướng. Hoặc phát vô duyên bi định, cho đến hỷ xả cũng giống như thế.

Bốn là quán nhân duyên, có ba thứ gốc lành phát khác nhau: Một là ba đời mười hai duyên, hai là quả báo mười hai duyên, ba là một niệm mười hai duyên. Một là ba đời mười hai duyên gốc lành phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo định tâm, bỗng nhiên giác ngộ tâm sinh suy tìm, ba đời quá khứ vô minh đến, chẳng thấy các pháp ngã nhân vô minh, chẳng đoạn chẳng thường, phá hết sáu mươi hai thứ tà kiến, tâm được chánh định, an ổn vắng lặng, quán tuệ rõ ràng thông suốt vô ngại, thân miệng thanh tịnh, chánh hạnh thành tựu. Đây là ba đời mười hai nhân duyên quán tuệ gốc lành phát tướng; Hai là quả báo mười hai nhân duyên gốc lành phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo định tâm bỗng biết tâm thức sáng lạnh, tức tự nghĩ tìm, khi ta mới sinh khu ấy thân phần cha mẹ cho là mình có, gọi là Ca-la-la. Khi Ca-la-la gọi là vô minh nhân duyên mà có hành thức, cho đến già chết, gọi là mười hai nhân duyên. Nếu khi Ca-la-la thì chỉ có ba việc hòa hợp không nhân không ngã, ba việc chẳng thật. Nay mười hai nhân duyên như vô minh, v.v... rốt ráo là nương vào cái gì. Nếu chẳng thấy các pháp như vô minh v.v... nhất định là có, thì hà là không tà kiến hay sao? Nghĩ như thế thì phá hai chấp có không, tâm quy về chánh đạo, tương ứng với chánh định thì tuệ giải khai phát mà lìa các tà hạnh. Đây là quả báo mười hai nhân duyên quán trí gốc lành phát tướng. Như mười hai nhân duyên nói đây là xuất xứ từ kinh Đại Tập có nói đủ. Ở đây nói tướng nhân duyên đồng với khổ tập. Cũng được y cứ đây mà nói bốn đế gốc lành phát sinh; Ba là một niệm mười hai nhân duyên gốc lành phát tướng. Cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên tự biết tâm từng sát-na không nhân không ngã, tánh vốn không thật. Vì sao? Vì khi một niệm khởi thì nhờ nhân duyên. Nói nhân duyên tức đủ mười hai nhân duyên. Duyên không tự tánh thì một niệm đâu có nhất định là thật. Nếu chẳng được một niệm thật, thì phá thể tánh tà chấp, tâm tương ứng với chánh định, trí tuệ khai phát tâm cũng như suối phun, thân ngữ thanh tịnh, lìa các tà hạnh. Đó là một niệm mười hai nhân duyên gốc lành phát tướng. Mười hai nhân duyên này cũng xuất xứ từ kinh Đại Tập. Cũng được y cứ mười hai duyên mà nói một tâm đủ bốn đế gốc lành phát tướng.

Năm là niệm Phật, có ba thứ gốc lành phát tướng: Một là niệm ứng Phật, hai là niệm báo Phật, ba là niệm pháp Phật. Nói ba nghĩa Phật lấy từ kinh Lăng-già, phân biệt rộng tướng ấy. Một là Niệm Ứng Phật, gốc lành phát tướng, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên nhớ nghĩ công đức niệm Phật, liền nghĩ rằng: Như lai xưa kia trong A-tăng-kỳ kiếp vì tất cả chúng sinh mà thực hành đủ sáu Ba-la-mật tất

cả công đức trí tuệ, nên thân có tướng tốt ánh sáng, tâm có trí tuệ viên chiếu, hàng phục ma oán, không thấy mà tự ngộ, tự giác giác tha, xoay bánh xe chánh pháp độ khắp tất cả, cho đến vào Niết-bàn rồi, xá-lợi kinh giáo vẫn rộng lợi ích chúng sinh. Các công đức như thế vô lượng vô biên. Khi nghĩ như thế liền sinh tâm ái kính mà Tam-muội khai phát, nhập định an vui. Hoặc ở trong định thấy thân tướng Phật mà tâm lành khai phát. Hoặc nghe Phật nói pháp, tâm tịnh tin hiểu. Các cảnh giới tốt đẹp như thế không phải một. Ấy là Niệm ứng Phật gốc lành phát tướng; Hai là niệm báo Phật gốc lành phát, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên nhớ nghĩ thân quả báo viên mãn chân thật của Chư Phật mười phương, rộng rang thường trụ, sắc tâm thanh tịnh, mầu nhiệm vắng lặng, công đức trí tuệ đầy khắp pháp giới, chẳng sinh chẳng diệt, vô tác vô vi, chẳng có sinh ở cung vua, cũng chẳng mất ở Song thọ. Vì giáo hóa chúng sinh mà cõi Phật mười phương khắp ứng sinh diệt. Các công đức như thế v.v... vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Khi, nghĩ như thế thì tâm định an ổn, Tam-muội khai phát, tuệ giải rõ ràng, hoặc thực hành ở trong định (hoặc trong khi ngồi định) thì thấy cảnh giới Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, liền sinh ra vô lượng hạnh nguyện, vô lượng công đức, vô lượng trí tuệ Tam-muội pháp môn. Đó là niệm bào Phật gốc lành phát tướng; Ba là Niệm pháp Phật gốc lành phát Tịnh độ, cũng ở cõi Dục Vị đáo tịnh định tâm, bỗng nhiên nhớ nghĩ pháp thân thật tướng của Chư Phật mười phương cũng như hư không, liền giác ngộ tất cả các pháp vốn tự chẳng sinh, nên nay không diệt, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng tới chẳng lui, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng cảnh chẳng trí, chẳng nhân chẳng quả, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng buộc chẳng thoát, chẳng phải sinh tử, chẳng phải Niết-bàn, rộng rang thanh tịnh, có Phật hay không Phật, tánh tướng cũng thường như thế. Chúng sinh, Chư Phật đồng một thật tướng, tức là pháp thân Phật. Cho nên kinh Đại Phẩm nói: Các pháp như thật tướng. Các pháp như thật tức là Phật, lia đây thì không có Phật khác, khi nghĩ như thế thì Tam-muội hiện tiền, thật tuệ khai phát, liền thông suốt vô lượng pháp môn, vắng lặng bất động. Tất cả cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều hiển bày trong định là tướng thành tựu. Như kinh Pháp Hoa đã nói rộng trong sáu căn thanh tịnh. Đó là niệm pháp Phật gốc lành phát tướng. Trong đó nói nhân chỉ mà phát mười lăm môn thiền tướng, đều là y cứ Sơ thiền. Ở Sơ cảnh giới không có tướng (hình ảnh) mà nói tất cả tướng chứng thiền định đều không thể dùng văn mà trình bày đầy đủ; Cái chỉ này là chỉ cho tập nhân quá khứ của hành giả khác nhau, nên phát thiền chẳng

bằng nhau. Nếu muốn nói đủ mười lăm môn thiền sự lý rộng rãi sâu xa, thì ở đoạn bảy lớn (chương bảy) trong phần tu chứng sẽ nói từ đầu đến cuối, phải phân biệt ít phần. Lại nữa, nêu ở cõi Dục Vị đáo địa thì thân tâm lắng yên. Hoặc phát vô thường, khổ, không, vô ngã. Bất tịnh thế gian, có thể chán sợ đoạn lìa hết các tướng ăn thân chết bất tịnh, hoặc phát niệm Phật, Pháp, Tăng, giới, xả, thiên, v.v... các niệm hoặc phát niệm xứ, chánh cần, như ý, căn lực, giác đạo, v.v... hoặc phát các quán không, vô tướng vô tác, bốn đế, mười sáu hạnh, v.v..., hoặc phát các hạnh nguyện công đức Ba-la-mật bốn nhiếp, bốn biện, v.v..., hoặc phát các thần thông Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng v.v..., hoặc phát nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến chẳng có mười tám không như pháp có pháp không, v.v... Hoặc phát các môn Tam-muội, tự tánh thiền mười lực chủng tánh Tam-ma-bạt-đề Thủ-lăng-nghiêm, Sư tử hống v.v... hoặc phát tuyền Đà-la-ni trăm ngàn muôn ức tuyền Đà-la-ni, pháp âm phương tiện Đà-la-ni, v.v... tất cả môn Đà-la-ni. Các thứ thiền Tam-muội như thế v.v..., cảnh giới khác nhau, tướng nó rất nhiều, ở đoạn lớn thứ bảy (chương bảy) trong phần tu chứng sẽ nói rõ tướng cảnh giới rộng sâu của các thiền Tam-muội, sẽ phân biệt đầy đủ.